

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 – 02 – 2023  
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con  
chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Trương Ngọc Điệp;
2. Bà Lê Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, trú tại: Ấp Hòa Mỹ, xã HA, TP.CL, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1982; trú tại: ấp TP, xã TLT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn tại xã TLT vào năm 2018. Thời gian đầu bà và ông C chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không quan tâm, chăm sóc gia đình, không phụ giúp bà trong việc chăm sóc con cái và phát triển kinh tế. Bà cũng đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi. Từ đó, hai người không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 09/7/2014, đang chung sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Như Ý, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn C không đến Tòa án và cũng không có ý kiến về việc bà T xin ly hôn mặc dù ông C đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và cũng không đến dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T; Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 09/7/2014 cho bà Lê Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông C chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn C tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã TLT, huyện Châu Thành A vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó, bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây quan hệ tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị T và ông Trần Văn C vắng mặt, phía bà T đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trần Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông C, bà T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T và ông C chung sống với nhau và kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông C không quan tâm chăm sóc và nuôi dạy con chung nên cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc. Bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng ông C cũng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, cũng không đến dự phiên tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T và ông C đều không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn C.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn C có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 09/7/2014, cháu Ý hiện đang chung sống với bà T, bà T có nguyện vọng sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như Ý và không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Xét theo nguyện vọng của cháu Như Ý thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022 (BL 19), “... nếu cha mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được sống với mẹ”. Do đó, căn cứ theo khoản 2, Điều 81 luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Như Ý cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông C chưa có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu cấp dưỡng. Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T khai không có, Tòa án cũng chưa ghi nhận được ý kiến của ông C về vấn đề nợ chung và tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần này ra chưa giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Trần Văn C. Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 09/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện Châu Thành A cấp cho ông Trần Văn C và bà Lê Thị T không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 09/7/2014 cho bà Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0012155 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã TLT
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Mạc Thị Chiên**